

Bản tin chứng khoán

Trong số này

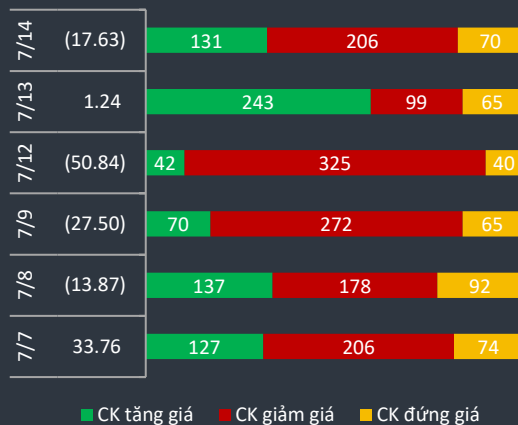
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

HPG	157.78
VHM	145.86
SSI	98.79
E1VFN30	47.95
STB	42.06
FUEVFVND	41.71
VRE	39.06
MSN	36.94
GAS	(11.66)
FLC	(15.98)
VJC	(25.39)
VIC	(44.82)
KBC	(45.60)
NVL	(52.84)
VCB	(57.68)
VPB	(124.56)

Thị trường chỉ duy trì xanh nhẹ khoảng 30 phút giao dịch đầu tiên. Đây cũng là khoảng thời gian mà nhà đầu tư có thể bán ra với giá tốt nhất trong ngày. Sau đó lực bán tăng dần đã làm chỉ số đảo chiều lao dốc từ tăng 5 điểm xuống giảm hơn 20 điểm. Lực bán tăng lên trong khi sức mua quá cạn khiến cổ phiếu tụt giá sâu rất nhanh. Nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán là hai nhóm ngành rớt giá mạnh nhất với hàng loạt cổ phiếu lùi sâu trên -3%.

Sau khi đã nhún xuống gần sát 1264, thị trường có lực cầu trở lại nhờ vào họ FLC, ROS, ART. Một số nhóm cổ phiếu đi ngược dòng trên HOSE chủ đạo là các mã nhỏ tiêu biểu có HCD, AMD, HDG, TDG, NKG, LHG, LCG, STK tăng 2% trở lên với thanh khoản tương đối.

Nhóm VN30 chỉ có 6 mã tăng giá so với 22 mã giảm. Trong top 6 cổ phiếu đề chỉ số dừ đội nhất thì có 5 mã là ngân hàng: TCB -5.4%, TPB -5.2%, STB -4.5%, VPB -3.9%, HDB -3.8%. Nhà đầu tư bán ra khá mạnh nhóm cổ phiếu ngân hàng làm hầu hết cổ phiếu nhóm ngành này giảm mạnh. Chỉ có BID, SHB đóng cửa xanh nhẹ.

Nhà đầu tư bán ra cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán một phần vì hai nhóm ngành này đã có đoạn tăng rất dài kể từ đầu năm. Vì vậy việc bán ra không ảnh hưởng đối với các nhà đầu tư trung hạn mà chỉ tác động chủ yếu những khoản đầu tư lướt sóng gần đây.

Khối ngoại trong ngày mua vào 2423 tỷ và bán ra 2096 tỷ. Riêng nhóm cổ phiếu ngân hàng khối ngoại mua ròng khoảng 2 triệu cổ phiếu nhiều nhất là STB 1.5 triệu, MSB 1 triệu, LPB 429 ngàn CP, BID 297 ngàn CP. Một số cổ phiếu khối ngoại mua ròng trong ngày đáng chú ý có VRE, VHM, STB, SSI, GEX, PVT, HSG.

Vnindex 1,279.91

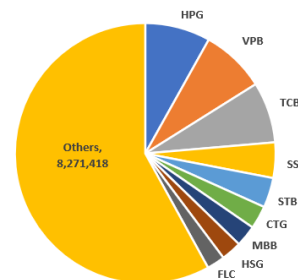
▼ -17.63 (-1.36)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
SAB	160.0	3,000	1.91
VRE	28.3	400	1.44
MSN	116.2	1,200	1.04
VNM	85.0	700	0.83
HVN	25.7	150	0.59
PDR	87.5	500	0.57
BID	42.6	200	0.47
VHM	109.5	-	-
VIC	103.0	-	-
PLX	50.9	(100)	(0.20)
GAS	91.3	(200)	(0.22)
NVL	104.0	(700)	(0.67)
POW	10.5	(100)	(0.95)
HPG	45.0	(500)	(1.10)
BVH	50.0	(700)	(1.38)
SSI	51.0	(800)	(1.54)
REE	51.1	(800)	(1.54)
VCB	101.8	(1,600)	(1.55)
DHG	92.1	(1,800)	(1.92)
FPT	85.2	(1,800)	(2.07)
GVR	29.3	(700)	(2.33)
VJC	117.0	(2,900)	(2.42)
CTG	33.7	(900)	(2.60)
MBB	28.9	(950)	(3.19)
PNJ	96.0	(3,200)	(3.23)
ACB	31.8	(1,150)	(3.50)
HDB	32.7	(1,300)	(3.83)
VPB	61.5	(2,500)	(3.91)
STB	27.4	(1,300)	(4.53)
MWG	166.5	(8,500)	(4.86)
TPB	33.0	(1,800)	(5.17)
TCB	51.0	(2,900)	(5.38)
VIB	44.4	(3,300)	(6.92)
BCM	48.7	(3,650)	(6.98)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Đóng cửa chỉ số Vnindex giảm 17.6 điểm ở 1280, cao hơn mức thấp nhất trong ngày một chút. Thanh khoản vẫn ở mức rất thấp chỉ 17 ngàn tỷ riêng sàn HOSE. Toàn thị trường có 234 mã giảm so với 138 mã xanh. Nhóm ngân hàng và chứng khoán chiếm giao dịch đến 64% toàn thị trường.

Chỉ số Vnindex đã giảm khoảng 150 điểm kể từ đỉnh 1420 vào đầu tháng 7. Về tín hiệu kỹ thuật có một vùng hỗ trợ quanh 1250-1270 là vùng giá tích lũy của Vnindex trong giai đoạn tháng 4. Dù thị trường không gặp áp lực margin quá lớn nhưng xu thế bán ra vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại trong khi lực cầu vẫn thấp. Thị trường tiếp tục trong xu hướng giảm trong ngắn hạn. Nhà đầu tư vẫn ưu tiên giữ tỷ trọng tiền mặt cao hơn và chỉ giải ngân từng phần ở vùng giá thấp ở những phiên điều chỉnh mạnh.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	51.1	(5.2)	50	23	Mua quanh 50 - 51	7/12/2021	0.2%
GVR	29.3	(15.4)	28	65	Chờ tín hiệu hồi, mua quanh 28-29	7/12/2021	-0.3%
HCM	46.1	(9.6)	44	65	Chờ tín hiệu mua, quanh 44-46	7/12/2021	2.4%
VCI	51.0	(8.8)	50	60	Chờ tín hiệu mua, quanh 50-52	7/12/2021	-1.0%
SSI	51.0	(6.4)	45	70	Mua quanh 50-51	7/12/2021	2.0%
MBB	28.9	(7.5)	25	35	Nắm giữ, mua thêm quanh 25	7/12/2021	-0.3%
OCB	26.2		27	40	Chờ tín hiệu mua, quanh 25-27	7/12/2021	-3.0%
TCB	51.0	(9.9)	52	30	Nắm giữ, mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	-3.8%
CTG	33.7	(13.7)	35	22	Chờ tín hiệu mua, quanh 30-33	7/12/2021	-0.9%
HPG	45.0	(9.8)	45	44	Nắm giữ, mua thêm quanh 45	7/12/2021	0.0%
STB	27.4	(11.8)	27	25	Chờ tín hiệu mua, quanh 27-28	7/12/2021	-2.1%
DGW	129.5	(3.7)	120	50	Nắm giữ	3/3/2021	29.5%
MWG	166.5	0.4	130	150	Nắm giữ	2/3/2021	30.6%

CTCP Thép Nam Kim (NKG) vừa công bố báo cáo tài chính quý II/2021.

Quý II/2021, NKG ghi nhận doanh thu đạt **7.009,9** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt **847,5** tỷ đồng, lần lượt tăng 202,9% và 4.798,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận cải thiện từ 4,6% lên 18,6%.

Trong kỳ, lợi nhuận gộp tăng 1.117,2%, tương ứng tăng thêm 1.198,8 tỷ đồng lên 1.306,1 tỷ đồng; chi phí bán hàng tăng 423,4% so với cùng kỳ, tương ứng tăng thêm 197,3 tỷ đồng lên 243,9 tỷ đồng và các hoạt động khác biến động không đáng kể.

Doanh nghiệp có thuyết minh, lợi nhuận tăng trong kỳ do sản lượng sản xuất tăng làm cho chi phí sản xuất giảm dẫn tới biên lợi nhuận gộp tăng và lợi nhuận ròng tăng.

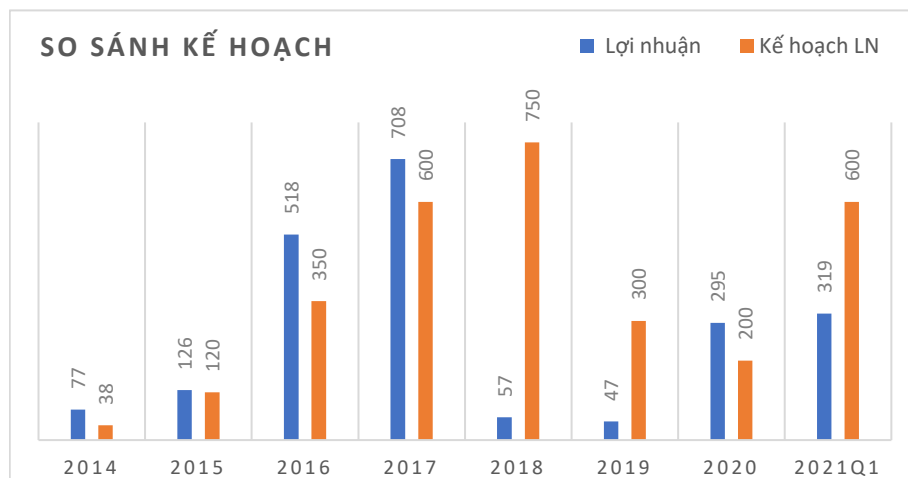
Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu đạt **11.862,4 tỷ đồng**, lợi nhuận sau thuế đạt **1.166,2** tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 148,9% và 1.883,3% so với 6 tháng đầu năm 2020.

Trong năm 2021, NKG đặt kế hoạch tổng doanh thu là 16.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 600 tỷ đồng. Như vậy, sau 6 tháng đầu năm doanh nghiệp hoàn thành 194,4% kế hoạch lợi nhuận năm.

Sau 6 tháng đầu năm tồn kho và khoản phải thu ngắn hạn đã tăng 5.284,7 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong 6 tháng đầu năm tổng nợ vay ngắn hạn và dài hạn tăng 34,2% so với đầu năm, tương ứng tăng thêm 1.026,4 tỷ đồng lên 4.028,8 tỷ đồng và chiếm 28,6% tổng nguồn vốn.

NKG	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021Q1
Doanh thu	5,835	5,751	8,936	12,619	14,812	12,177	11,560	4,853
Lợi nhuận	77	126	518	708	57	47	295	319
Lợi Nhuận Gộp	317	447	1,012	1,368	793	342	869	610
Chi phí lãi vay	(109)	(82)	(142)	(268)	(339)	(237)	(222)	(47)
KLCP DLH (triệu CP)	40	44	66	130	182	182	182	182
VCSH	506	640	1,580	2,940	2,971	3,017	3,181	3,500
Tổng Tài Sản	2,937	3,572	6,390	10,174	8,122	8,064	7,763	10,101
Vay Ngắn Hạn	436	1,166	2,296	4,503	3,201	2,389	2,520	3,081
Vay Dài Hạn	605	812	1,860	1,676	1,225	703	482	482
Tổng Nợ vay	1,041	1,978	4,156	6,179	4,426	3,092	3,002	3,564
Book Value	12,693	14,576	23,934	22,619	16,325	16,576	17,478	19,230
EPS	1,921	2,872	7,841	5,442	315	260	1,622	3,147



HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

FTM	2.77
VPG	2.88
HAI	2.92
CIG	2.98
NKG	3.04
BCG	3.10
HPX	3.22
VGC	3.52
ELC	3.52
ROS	3.68
HDG	3.76
VIP	4.12
TDG	4.23
DAH	4.29
KSH	4.35
SMC	4.41
SGR	5.58
TGG	5.69
FLC	6.31
TEG	6.76
HCD	6.88
PXT	8.70

Top tăng giá HNX

VGS	3.57
NDN	4.17
TDN	4.40
KHB	4.55
SCL	5.04
NSH	5.08
KLF	5.13
CTC	5.88
VCG	6.18
MCF	6.33
NHA	6.82
QNC	7.94
VKC	8.11
ART	8.14
KKC	9.49
CET	9.80

TRC - CTCP Cao su Tây Ninh - Quý 2/2021, TRC ghi nhận doanh thu đạt 72,7 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 3,4 tỷ đồng, lần lượt tăng 18,2% và giảm 79,6% so với cùng kỳ năm trước.

SMB - CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung - Quý 2/2021, SMB ghi nhận doanh thu đạt 323,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 49,2 tỷ đồng, lần lượt giảm 2,8% và tăng 20,3% so với cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, SMB ghi nhận doanh thu đạt 595,7 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 77,7 tỷ đồng, lần lượt tăng 4,6% và 29,5% so với 6 tháng đầu năm 2020.

STK - CTCP Sợi Thế Kỷ - Ước doanh thu quý II đạt 510 tỷ đồng, lợi nhuận 69,3 tỷ đồng; lần lượt gấp đôi và gấp 24,2 lần cùng kỳ năm trước.

VHC - CTCP Vĩnh Hoàn - Trong tháng 6, Vĩnh Hoàn đạt doanh thu xuất khẩu 712 tỷ đồng tăng 15% nhờ phục hồi mạnh ở thị trường Mỹ. Lũy kế 6 tháng, VHC đã xuất khẩu đạt giá trị xấp xỉ 4.000 tỷ đồng, ước tăng 15,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

POW - Tổng công ty điện lực dầu khí Việt Nam - Thông báo sản lượng điện tháng 6 ước đạt 1.580 triệu kWh, thực hiện được 91% kế hoạch tháng và giảm 15% so với cùng kỳ năm trước.

PAC - CTCP Pin Ác quy miền Nam - Ngày 12/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 13/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 27/8/2021.

VIP - CTCP Vận tải xăng dầu VIPCO - Ngày 29/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 30/7. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%, thanh toán bắt đầu từ ngày 20/8/2021.

TPB - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Đã thông qua chủ trương thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu của CTCP Chứng khoán Tiên Phong (TPS). Theo đó, TPB mua 9,01 triệu cổ phiếu để đảm bảo tỷ lệ sở hữu tại TPS là 9,01%, giá mua 10.000 đồng/cổ phiếu.

DPR - CTCP Cao su Đồng Phú - Ngày 13/7, HĐQT thông qua việc trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%. Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 30/7/2021 và thanh toán từ 30/8/2021.

DHC - Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre - Dự kiến trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%, tương ứng cổ đông sở hữu 4 cổ phiếu sẽ nhận thêm 1 cổ phiếu mới. Nguồn vốn thực hiện là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

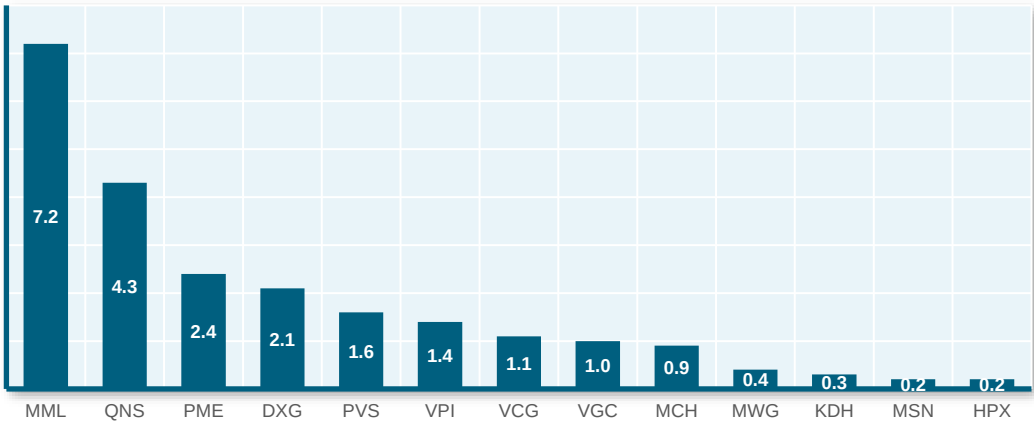


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	20.7	3,117,444	9.3	1.3	-	-	11,826	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	31.8	10,810,500	7.2	1.8	-	-	85,787	30.00	4,419	17,547
BAB	UPCOM	22.8	51,200	24.3	1.9	-	5,000	16,154	-	939	12,064
BID	HNX	42.6	1,788,900	20.3	2.1	404,400	107,000	171,338	16.71	2,103	20,453
CTG	HOSE	33.7	16,349,700	7.1	1.4	1,119,200	1,136,700	125,479	24.69	4,761	24,665
EIB	HOSE	26.5	384,000	37.2	1.9	13,600	109,200	32,580	29.81	713	13,822
HDB	HOSE	32.7	2,836,700	8.0	2.0	307,600	605,600	52,037	18.40	4,066	16,572
LPB	UPCOM	27.1	7,974,500	12.1	1.9	477,500	48,500	29,123	3.24	2,239	14,059
MBB	HOSE	28.9	19,970,400	7.4	1.5	2,876,700	2,833,100	80,744	22.52	3,912	19,196
MSB	HOSE	27.7	7,539,400	11.4	1.8	1,018,600	-	32,049	29.96	2,436	15,368
NVB	HNX	18.5	3,153,010		1.8	-	3,200	7,526	8.71	27	10,532
OCB	HOSE	26.2	4,938,200	7.8	1.6	3,800	12,600	28,713	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	24.9	17,245,281	12.4	1.7	8,200	382,500	47,946	4.03	2,013	14,631
SSB	HOSE	38.2	1,798,000	28.7	3.2	-	-	46,174	-	1,331	11,769
STB	HOSE	27.4	25,268,600	18.3	1.7	2,666,500	1,151,100	49,420	13.90	1,495	16,485
TCB	HOSE	51.0	33,443,400	12.5	2.3	1,720,300	1,720,300	178,750	23.00	4,074	22,566
TPB	HOSE	33.0	5,212,700	7.6	1.9	-	-	35,365	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	101.8	2,251,700	17.8	3.7	832,700	1,402,300	377,564	23.68	5,708	27,234
VIB	HOSE	44.4	4,387,400	8.4	2.5	32,800	12,700	68,960	20.86	5,297	17,420
VPB	HOSE	61.5	22,403,200	13.3	2.7	-	2,024,100	150,967	15.00	4,628	22,811
			190,924,235	14.27	2.03	11,481,900	11,553,900	1,628,500		3,004	17,388



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

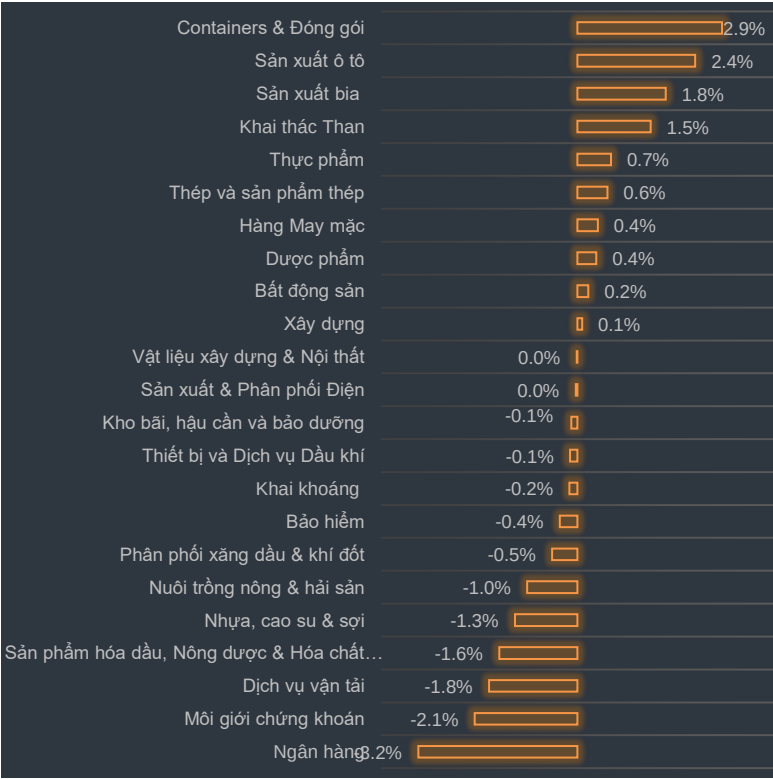
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV	%
SSI	UPCOM	51,000	15,326,298	33,400,645	2,552.8	20.0	2.88	17,724	(1.54)
VCI	UPCOM	51,000	2,935,784	16,983,000	2,829.4	18.0	1.72	29,655	(3.23)
HCM	HNX	46,100	6,433,384	14,062,429	2,674.9	17.2	2.95	15,612	(2.95)
VND	UPCOM	38,900	6,657,672	8,344,621	5,308.7	7.3	1.86	20,939	(2.02)
SHS	UPCOM	38,700	9,804,500	8,021,279	4,994.5	7.7	2.16	17,951	(2.52)
MBS	UPCOM	28,500	2,802,447	7,626,796	1,279.0	22.3	2.17	13,147	(5.00)
FTS	HOSE	31,900	654,659	4,707,362	2,841.6	11.2	1.80	17,751	(3.77)
VIX	HNX	21,800	4,739,509	2,777,888	5,259.2	4.1	1.35	16,190	1.64
AGR	HOSE	12,300	3,208,218	2,597,759	572.1	21.5	1.26	9,775	(3.91)
BSI	UPCOM	20,600	2,153,314	2,504,356	2,051.4	10.0	1.62	12,711	(0.96)
ORS	HNX	22,400	1,202,315	2,240,000	1,516.4	14.8	2.12	10,574	1.36
VDS	HOSE	22,900	1,175,793	2,292,288	3,383.2	6.8	1.78	12,884	(1.72)
CTS	HOSE	19,700	2,033,068	2,096,072	2,444.1	8.1	1.42	13,885	(2.96)
TVS	HOSE	24,700	137,752	2,421,497	4,714.3	5.2	1.66	14,852	(1.00)
BVS	UPCOM	26,500	1,334,181	1,913,304	3,033.8	8.7	0.98	26,909	(2.93)
EVS	HOSE	32,700	426,955	1,962,013	2,382.6	13.7	2.31	14,167	-
SBS	HOSE	12,500	3,522,769	1,583,250	25.2	496.9	7.61	1,643	2.46
PHS	HOSE	12,100	1,277	1,089,000	828.3	14.6	1.07	11,291	-
TVB	HOSE	13,700	840,526	974,671	1,973.7	6.9	1.18	11,645	(2.14)
ART	HNX	9,300	6,061,522	901,379	269.8	34.5	0.81	11,459	8.14
TCI	UPCOM	13,200	307,871	653,400	2,331.0	5.7	1.08	12,235	-
IVS	UPCOM	8,700	135,388	603,345	352.2	24.7	0.88	9,862	3.57
BMS	UPCOM	12,400	108,721	620,000	1,808.9	6.9	0.96	12,977	5.98
APS	HOSE	12,300	2,169,656	479,700	2,395.8	5.1	1.11	11,126	(0.81)



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	VC3	HNX	29/07/2021	30/07/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:95	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	CSV	HOSE	23/07/2021	26/07/2021	13/08/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VLW	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	11/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	BCM	HOSE	22/07/2021	23/07/2021	6/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	NBT	UPCoM	21/07/2021	22/07/2021	2/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	PDN	HOSE	20/07/2021	21/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	CKG	HOSE	19/07/2021	20/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SVC	HOSE	19/07/2021	20/07/2021	4/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	POT	HNX	19/07/2021	20/07/2021	12/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	TV2	HOSE	16/07/2021	19/07/2021	22/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TV2	HOSE	16/07/2021	19/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	BRC	HOSE	16/07/2021	19/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	SGN	HOSE	16/07/2021	19/07/2021	3/8/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	PCE	HNX	16/07/2021	19/07/2021	26/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	IST	UPCoM	16/07/2021	19/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	NSS	UPCoM	16/07/2021	19/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 8,296 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	LBC	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 950 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	HWS	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 875 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	NAP	HNX	15/07/2021	16/07/2021	27/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	TDC	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	13/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PSL	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	BWS	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DOP	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	BCE	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	26/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	HAD	HNX	15/07/2021	16/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	PPC	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	4/8/2021	Trả cổ tức đợt 4/2020 bằng tiền, 1,250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TCL	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VNR	HNX	14/07/2021	15/07/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Thưởng cổ phiếu

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:

AMD, TEG, FLC

Xây dựng:

S55, , SII, LUT

Dầu khí:

TDG, PVB, PCG

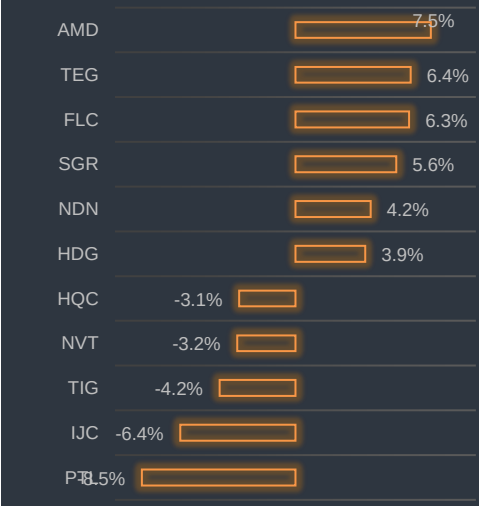
Chứng khoán:

IVS, SBS, VIX

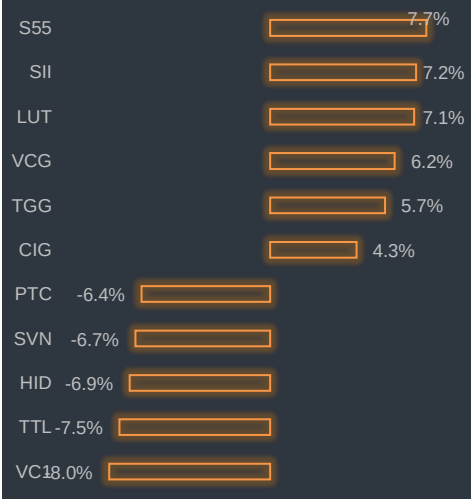
Ngân hàng:

SHB, BID, MSB

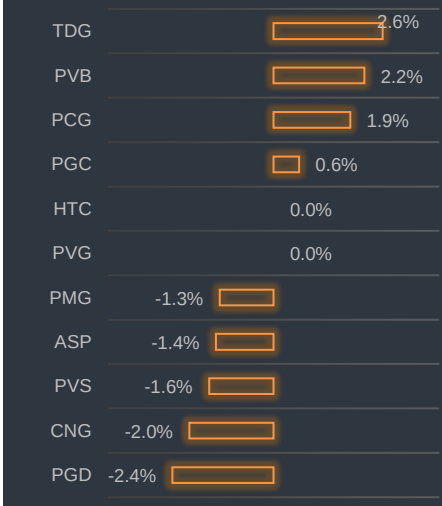
Bất động sản



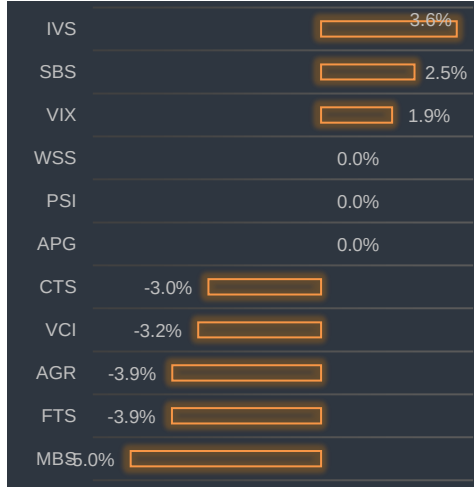
Xây dựng



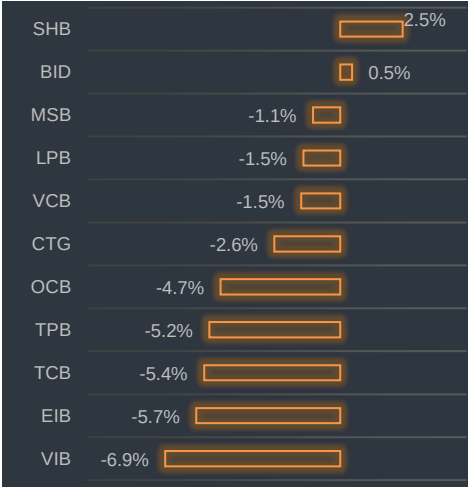
Dầu khí



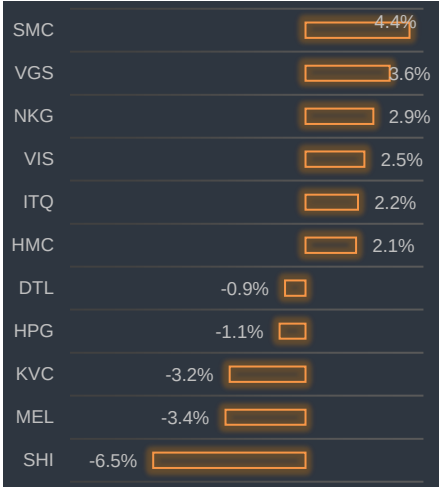
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931